

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /TTr-BHHK

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công Ty cổ phần Bảo hiểm hàng không

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Tổng công ty.

Để đảm bảo Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các yêu cầu quản trị điều hành Tổng công ty, Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị thông qua Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không, sửa đổi bổ sung lần thứ 11 (Chi tiết Bảng tổng hợp các nội dung chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TKPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng



BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI

(Đính kèm tờ trình số 10/TT-BHHK của HĐQT ngày 15/8/2024)

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: i) "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc Công ty thành viên, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Ban hoặc Người phụ trách các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.	Bổ sung Người quản lý doanh nghiệp để phù hợp với tình hình thực tiễn tại công ty.
o. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	c) "Vốn có quyền biểu quyết" là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa lại phù hợp với quy định của Khoản 33 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020
f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua bằng nghị quyết;		Không đề cập nhiều trong các nội dung phía sau nên không định nghĩa chung
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,	



Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY		
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty là: a11. Bảo hiểm nông nghiệp; a12. Bảo hiểm bảo lãnh; a13. Các loại hình bảo hiểm khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy phép điều chỉnh.	Bổ sung: một số loại hình bảo hiểm và thêm các trường hợp khác phù hợp với Giấy phép.
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty 2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty 2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.	Thay “Hội đồng quản trị phê chuẩn” bằng “Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn”. Do thẩm quyền này thuộc về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP		
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Bỏ trường hợp “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty”
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông	Sửa lại phù hợp hơn và có tham khảo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty.</p>	<p>được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. c) Thanh toán mọi chi phí liên quan từ việc cấp lại cổ phiếu mới cho Tổng công ty. 	
<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo mức lãi suất hiện hành của Ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản phong tỏa, nhưng không quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Điều chỉnh lại nội dung về nghĩa vụ tài chính theo Điều lệ mẫu được quy định trong Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	<p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	<p>Bổ sung thời gian thông báo thu hồi chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc</p>
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5%</p>	<p>- Bỏ điểm (1) liên quan đến quyền của cổ đông</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>c) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p>	<p>- Bỏ điểm (c) cũ và thay thế bằng điểm (c) mới về quyền của cổ đông nắm giữ từ 5% phù hợp với quy định của Luật DN</p>
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phải thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định pháp luật doanh nghiệp</p>
	<p>5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Bảo vệ quyền của Tổng Công ty</p>
<p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bỏ</p> <p>Thêm quy định phù hợp với Luật Doanh</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>2... Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty.</p> <p>2... Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.</p>	<p>Diệu chỉnh lại phù hợp với Luật Doanh nghiệp, theo đó thay vì có thể mời thì Luật quy định phải mời, và các tổ chức năng có trách nhiệm tham gia dự họp.</p>
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p>	<p>Sắp xếp lại phù hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>Thêm phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
<p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p>		<p>Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>n. Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p>	<p>d) Quyết định đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</p>	<p>Có những trường hợp không phải đầu tư, bán tài sản và cũng không phải giao dịch với các đối tượng được quy định. Nếu tiếp tục quy định như Điều lệ cũ thì sẽ chưa xác định được thẩm quyền quyết định thuộc về ai. Trong khi đó, HĐQT thì có quyền hạn trong tất cả khoản từ 10% đến dưới 35%. Vì vậy, đề xuất sửa đổi đối với tất cả các hợp đồng, giao dịch cứ có giá trị từ 35% trở lên thì đều thuộc quyền hạn của DHHCD. Vì thế, bỏ điểm n và điều chỉnh điểm d</p>
<p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p>	<p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>	<p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>Thêm để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
<p>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;</p> <p>p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ</p>	<p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, một số nội dung điều này được chuyển xuống quyền “thảo luận và thông qua” ở Khoản 2 chứ không đề cập trong “quyền và nghĩa vụ” tại Khoản 1</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Lưu ý điểm p sửa đổi như cách giải thích tại Khoản 1</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	<p>chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chi định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự</p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cả nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cả nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được</p>	<p>- Bổ điểm c do đã đề cập là thực hiện theo quy định của pháp luật của dân sự, nên nếu thuộc các trường hợp khác thì sẽ tự động được áp dụng theo quy định pháp luật</p> <p>- Thêm 1 số nội dung cụ thể về yêu cầu giấy ủy quyền, không cần làm theo mẫu để cổ đông chủ động trong việc ủy quyền (tham khảo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC).</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>hợp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).</p>	<p>ủy quyền:</p> <p>a)....</p> <p>b)....</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông; người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).</p>	<p>- Bổ khoản 3 do đã thuộc một trong số các trường hợp nằm ở đoạn cuối khoản 2 “Trường hợp ủy quyền lại thì...”. Đoạn thay thế này quy định được bao quát nhiều trường hợp hơn.</p>
<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	<p>Điều chỉnh lại phù hợp với quy định pháp luật doanh nghiệp.</p>
	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung thêm để phù hợp với quy định pháp luật</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều chỉnh lại toàn bộ theo quy định của pháp luật, ý nghĩa vẫn vậy nhưng cách sắp xếp diễn đạt khác</p>
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đàm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đàm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>Điều chỉnh lại ngày, để tiết kiệm thời gian lấy ý kiến, giúp giải quyết kịp thời công việc đặt ra.</p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ một phần nội dung tại điểm g về cần phải có chữ ký của “người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty” trong phiếu lấy ý kiến theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trưởng họp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo tính hiệu lực của biên bản họp, đã tham khảo điều lệ mẫu theo thông tư 116/2020/NĐ-CP</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông coi như đã nhận được Biên bản, Nghị quyết đó kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết được công bố trên trang điện tử của Tổng Công ty.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.</p>	<p>Quy định lại cho ngắn gọn nhưng hàm ý nội dung chính về việc công bố tài liệu vẫn không đổi, đã tham khảo điều lệ mẫu theo thông tư 116/2020/NĐ-CP</p>
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>- Quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết không còn đặt ra với Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc</p> <p>- Quy định cũ cho phép yêu cầu hủy bỏ cả quyết định nhưng Điều lệ mới cho phép yêu cầu được hủy bỏ một phần hoặc cả nghị quyết</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung vì đây là điều kiện bắt buộc</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Bổ sung để phòng trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông muộn. Tham khảo từ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>- Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2024</p> <p>- Bỏ c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p>
<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau</p>	<p>- Sửa toàn bộ điều 27 phù hợp với quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>- Đặc biệt lưu ý VNI bổ sung thêm điểm d)...Quyết định chuyển địa điểm đặt Trụ sở chính</p> <p>- Sửa đổi điểm h:</p> <p>+ Sửa “trên” thành “từ”, mốc tròn để xác định</p> <p>+ Sửa báo cáo tài chính đã được kiểm toán</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng Người đại diện theo pháp luật theo từng thời kỳ phù hợp với Điều lệ, quy định của pháp luật và hoạt động thực tế của Tổng Công ty.</p> <p>b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;</p> <p>c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Bổ nhiệm và miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc; Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng Tổng Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty thành viên; Giám đốc, Phó Giám đốc Ban (hoặc chức danh tương đương), cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty ra ngoài doanh nghiệp và các chức danh quan trọng khác trong Tổng Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.</p> <p>f. Thông qua chủ trương để Tổng giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và</p>	<p>đây:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư hoặc bán tài sản trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp</p>	<p>thành báo cáo tài chính do Luật Doanh nghiệp quy định + Bổ sung trừ trường hợp khác do Luật Doanh nghiệp yêu cầu</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng và các chức danh tương đương;</p> <p>g. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>h. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, việc thành lập Tổng Công ty con, lập Công ty thành viên, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng Công ty;</p> <p>k. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>m. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị trên 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán;</p> <p>n. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty của Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</p> <p>o. Công bố danh mục và ban hành các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty;</p>	<p>đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, Quyết định chuyển địa điểm đặt Trụ sở chính, quyết định thành lập công ty con; Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;</p> <p>q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>r. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>t. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>u. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>v. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</p> <p>w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các Công ty thành viên hoặc văn phòng đại diện của Tổng Công ty;</p> <p>b. Thành lập các Công ty con của Tổng Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3</p>	<p>3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ này gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cả nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;</p> <p>d. Chi định và bài nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Tổng Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>		

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính</p>	<p>- Quy định cụ thể Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị tại Khoản 2</p> <p>- Bổ sung khoản 4 tham khảo điều lệ mẫu Thông tư 116/202/TT-BTC</p> <p>- Điều chỉnh khoản 5 cho phù hợp, bổ sung thêm trường hợp khi Chủ tịch vắng mặt/không thực hiện được nhiệm vụ.</p> <p>- Bổ khoản 5</p>
<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính</p>	<p>- Quy định cụ thể Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị tại Khoản 2</p> <p>- Bổ sung khoản 4 tham khảo điều lệ mẫu Thông tư 116/202/TT-BTC</p> <p>- Điều chỉnh khoản 5 cho phù hợp, bổ sung thêm trường hợp khi Chủ tịch vắng mặt/không thực hiện được nhiệm vụ.</p> <p>- Bổ khoản 5</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty.</p>	<p>năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Điều chỉnh “tiểu ban” thành “bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương” để linh hoạt hơn trong việc đặt tên.</p> <p>- Không quy định cụ thể số lượng và cơ cấu thành viên vì từng tính chất của bộ phận mà sẽ cần các yêu cầu khác nhau. Trao quyền</p>
<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Căn cứ vào tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương. Tô chức và nhiệm vụ của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương do Hội</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>đồng quản trị quyết định.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>quyết định toàn bộ cho Hội đồng quản trị.</p> <p>- Khoản 2 bỏ “hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị” vì không còn phù hợp.</p>
<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>	<p>Bổ sung (h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>
<p>Chương VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ</p>	<p>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</p>	
<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. Tổng Công ty có Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên với số lượng và tiêu chuẩn phù</p>	<p>Sửa khoản 2 thêm “tuyển dụng và “Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p>hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định và phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>định và phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>
<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; Ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.</p>	<p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác do Hội đồng quản trị quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Sửa khoản 1,2 và 3 quy định cụ thể nhiệm vụ quyền hạn của Tổng giám đốc</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị</p>	<p>2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (03) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p> <p>Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 (năm) năm.</p> <p>f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;</p> <p>h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty;</p> <p>i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng thuê Tổng giám đốc và các quy định của pháp luật.</p>	<p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT		
Điều 37. Kiểm soát viên	Điều 36. Kiểm soát viên	
<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành bảo hiểm và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>- Bổ sung: "Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam - Khoản 3 quy định rõ tiêu chuẩn của Trưởng ban Kiểm soát"</p>
Điều 37. Ban kiểm soát	Điều 37. Ban kiểm soát	Đề cập cụ thể là "Danh sách"
<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty;</p>	<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty;</p>	
	đ) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	Bổ	Quy định này không nên được đề cập trong Điều lệ
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	Bổ	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyên dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>		
<p>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p>	<p>CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p>	<p>Bỏ “quỹ dự trữ”</p>
<p>Điều 46. Ký quỹ, Quỹ dự phòng nghiệp vụ, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ</p> <p>1. Ký quỹ</p> <p>Tổng Công ty sử dụng 2% vốn pháp định để ký quỹ tại một tài khoản phong tỏa của Ngân hàng thương mại. Khoản tiền ký quỹ này được Tổng Công ty sử dụng theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Quỹ dự phòng nghiệp vụ</p> <p>Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ từ phí bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính như sau:</p> <p>a) Quỹ đề phòng hạn chế tổn thất: Sử dụng vào việc tuyên truyền, giáo dục về đề phòng tai nạn; nghiên cứu và áp dụng các biện pháp nhằm</p>	<p>Bỏ</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>đề phòng ngân chặn và hạn chế tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.</p> <p>b) Dự phòng phí chưa được hưởng: Sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo.</p> <p>c) Dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết: Sử dụng để bồi thường cho những tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết phải chuyển sang năm tiếp theo.</p> <p>d) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất: Sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty.</p> <p>3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ</p> <p>Hàng năm, Tổng Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của Tổng Công ty.</p>	<p>CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</p>	
<p>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 51. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Điều 48. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị muộn nhất trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Điều chỉnh lại thời gian</p>
CHƯƠNG XVII. CON DẤU		
<p>Điều 49. Con dấu</p>	<p>Điều 49. Con dấu</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, Sở giao dịch, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật về con dấu.</p>	<p>Bổ sung quy định, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động sau này</p>
<p>Điều 55. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.</p>	<p>Điều 51. Thanh lý</p> <p>1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.</p>	<p>Bổ thời gian: Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà GELEXIMCO, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Vinacommin, số 3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội	Thay đổi trụ sở công ty ở trang bìa và Điều 2
Người điều hành	Người quản lý	Thay đổi để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, Người điều hành chỉ là Tổng Giám đốc.
Quyết định	Nghị quyết	Sửa đổi để thống nhất vì Điều lệ cũ có chỗ thì đề cập là quyết định có chỗ thì đề cập là nghị quyết.
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Bỏ	Bỏ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (VNI không tổ chức theo mô hình có thành viên độc lập hội đồng quản trị). Do đó những điều có đề cập tới thành viên độc lập hội đồng quản trị đều bỏ.
Thời gian gia hạn	Bỏ	Thời gian hoạt động của VNI là vô hạn thì không có gia hạn. Do đó, những điều liên quan tới gia hạn hoạt động đều bị lược bỏ.

